

SỔ TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI Số: 16/2017/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 3 năm 2017

ĐẾN Số:/1902.....
Ngày: 12.4.2017.
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí là người có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai.

b) Cơ quan thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã.

c) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Các trường hợp miễn thu phí

1. Trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp.

2. Cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp được cung cấp dữ liệu đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai.

Điều 3. Mức thu phí (Mức thu này không bao gồm các chi phí như: in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu, chi phí gửi tài liệu):

1. Đối với hồ sơ tài liệu đất đai (Mức phí bên dưới được tính cho 01 trang, khi số trang tăng thêm thì mỗi trang tăng thêm đó được tính bằng 10% của mức phí):

- a) Cung cấp trực tiếp đối với thông tin dạng giấy: 23.000 đồng/ trang;
- b) Cung cấp trực tiếp đối với thông tin dạng số: 19.000 đồng/ trang;
- c) Cung cấp qua đường bưu điện, mail đối với thông tin dạng giấy: 26.000 đồng/ trang;
- d) Cung cấp qua đường bưu điện, mail đối với thông tin dạng số: 21.000 đồng/ trang.

2. Đối với các loại bản đồ (Mức phí bên dưới được tính cho 01 mảnh, khi số mảnh tăng thêm thì mỗi mảnh tăng thêm đó được tính bằng 10% của mức phí):

- a) Cung cấp trực tiếp đối với thông tin dạng giấy: 63.000 đồng/ mảnh;
- b) Cung cấp trực tiếp đối với thông tin dạng số: 52.000 đồng/ mảnh;
- c) Cung cấp qua đường bưu điện, mail đối với thông tin dạng giấy: 67.000 đồng/ mảnh;
- d) Cung cấp qua đường bưu điện, mail đối với thông tin dạng số: 54.000 đồng/ mảnh.

3. Đối với hồ sơ khác (cơ sở dữ liệu quản lý đất đai): (Mức phí bên dưới được tính cho từ 01 đến 10 thửa, khi số thửa tăng thêm thì mỗi thửa tăng thêm đó được tính bằng 10% của mức phí):

- a) Cung cấp trực tiếp đối với thông tin dạng giấy: 28.000 đồng/ thửa;
- b) Cung cấp trực tiếp đối với thông tin dạng số: 19.000 đồng/ thửa;

c) Cung cấp qua đường bưu điện, mail đối với thông tin dạng giấy: 30.000 đồng/ thửa;

d) Cung cấp qua đường bưu điện, mail đối với thông tin dạng số: 21.000 đồng/ thửa.

Điều 4. Kế khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí

a) Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Đối với cơ quan thu phí là Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường được trích để lại 60% để trang trải cho hoạt động liên quan đến lĩnh vực khai thác dữ liệu và sử dụng đất đai và nộp 40% còn lại vào ngân sách nhà nước.

c) Đối với cơ quan thu phí là UBND xã: nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

d) Định kỳ hàng tháng, cơ quan thu phí phải gửi số tiền thu được vào Tài khoản phí chờ nộp mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện kê khai, quyết toán tiền phí thu được theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 16/2003/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 về việc ban hành phí khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc cho Tỉnh ủy;
- ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, BKTNS (01).K180.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân